

**THÔNG BÁO**  
**Tuyển sinh cao học đợt 2 năm 2018 - khóa 38**

Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh 2090/ĐHĐN-ĐT, ngày 19/6/2018 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN), HĐĐN thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 38 tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc HĐĐN: Trường Đại học Bách khoa, Trường Đại học Kinh tế, Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Ngoại ngữ, (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) như sau:

**1. Ngành và phương thức tuyển sinh**

Danh mục các ngành tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến của các cơ sở đào tạo xem tại Phụ lục I.

Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam và xét tuyển đối với người dự tuyển là công dân Nước ngoài.

**2. Chương trình, thời gian đào tạo và học phí**

- Chương trình đào tạo gồm 02 định hướng: định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

- Thời gian đào tạo: từ 1,5 năm đến 02 năm học tùy theo chương trình đào tạo của từng ngành và từng cơ sở đào tạo.

- Học phí:

+ Trường Đại học Kinh tế: Mức thu học phí là 21.500.000 (hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng y)/năm học, mức học phí này sẽ không thay đổi trong 2 năm học của chương trình đào tạo thạc sĩ.

+ Các cơ sở giáo dục đại học thành viên còn lại: mức thu học phí theo quy định hiện hành đối với cơ sở đào tạo công lập.

**3. Điều kiện dự tuyển**

**3.1. Về văn bằng**

Người tham gia dự thi thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, ngành phù hợp với ngành đăng ký dự thi nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm tính đến thời điểm dự thi hoặc có bằng do cơ sở đào tạo khác cấp, đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

d) Người tốt nghiệp đại học chính quy khác ngành có thể đăng ký dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý và đã học bổ sung kiến thức theo quy định của cơ sở đào tạo;

e) Người có bằng tốt nghiệp đại học theo hình thức không chính quy tốt nghiệp từ loại trung bình khá trở lên hoặc tương đương; người tốt nghiệp loại trung bình và có thêm một bằng tốt nghiệp đại học khác được dự thi vào ngành đào tạo trình độ thạc sĩ ngành đúng, ngành gần với ngành tốt nghiệp đại học hoặc ngành đào tạo thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định;

**Ghi chú:** Bằng đại học, bằng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và học bổ sung các học phần theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

### **3.2. Về kết quả học bổ sung kiến thức**

Đối với các thí sinh thuộc diện phải học các học phần bổ sung, thí sinh phải đăng ký học tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên của Đại học Đà Nẵng và có bảng điểm môn học trước khi dự thi cao học.

### **3.3. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn**

a) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành cao học; người có bằng gần với ngành đăng ký đã học bổ sung kiến thức theo quy định được đăng ký dự thi không yêu cầu kinh nghiệm công tác chuyên môn;

b) Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý phải có tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi tính từ khi nhận bằng tốt nghiệp đại học đến ngày đăng ký dự thi có giấy xác nhận của cơ quan công tác.

## **4. Môn thi tuyển**

Thí sinh dự thi 03 môn: gồm môn Ngoại ngữ, môn Chủ chốt và môn Cơ sở ngành.

a) Môn thi thứ nhất (Ngoại ngữ): Thí sinh được chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh; tiếng Nga; tiếng Pháp; tiếng Trung.

Thí sinh dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh hoặc Ngôn ngữ Pháp phải dự thi ngoại ngữ thứ hai, được chọn trong số các ngôn ngữ còn lại;

b) Môn thi thứ hai (Chủ chốt): là môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành đào tạo, được xác định theo yêu cầu của ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ;

c) Môn thi thứ ba (Cơ sở ngành): là môn thi có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiểm tra kiến thức một số môn học của trình độ đại học.

## **5. Miễn thi ngoại ngữ**

Thí sinh có năng lực ngoại ngữ đúng với yêu cầu môn thi ngoại ngữ của Đại học Đà Nẵng (không trùng với ngôn ngữ thuộc chuyên ngành dự tuyển) thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, văn bằng được công nhận theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có **chứng chỉ** trình độ ngoại ngữ (một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật) tối thiểu từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi (tham khảo Phụ lục II), được cấp bởi một Trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép và công nhận.

## **6. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

Đối tượng và chính sách ưu tiên được thực hiện theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **7. Đăng ký dự thi, lệ phí**

### **7.1. Đăng ký dự thi**

Thí sinh đăng ký dự thi trực tuyến trên trang Tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng tại địa chỉ: <http://www.ts.udn.vn/>, mục “**Đăng ký trực tuyến**”.

Thời hạn đăng ký dự thi: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **07/9/2018**.

Sau khi đăng ký trực tuyến thí sinh nộp giấy tờ bổ sung tại Ban Đào tạo, Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng.

## 7.2. Lệ phí

Lệ phí đăng ký dự thi: **100.000 đồng/thí sinh/hồ sơ**;

Lệ phí dự thi: **650.000 đồng/thí sinh**. Đối với thí sinh được miễn thi môn Ngoại ngữ: **450.000 đồng/thí sinh**.

Thí sinh nộp lệ phí trực tiếp tại Ban Kế hoạch - Tài chính Đại học Đà Nẵng, Phòng 107, Khu A, Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn, thành phố Đà Nẵng.

## 8. Học bổ sung kiến thức

Thí sinh liên hệ và đăng ký trực tiếp tại Phòng Đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học thành viên ĐHQĐN:

- Phòng Đào tạo trường ĐHBK: số điện thoại 02363.842145;
- Phòng Đào tạo trường ĐHKT: số điện thoại 02363.969088;
- Phòng Đào tạo trường ĐHSP: số điện thoại 02363.841323 (**bấm 113**);
- Phòng Đào tạo trường ĐHNN: số điện thoại 02363.699321.

## 9. Xét tuyển đối với người dự tuyển là công dân Nước ngoài

### 9.1. Điều kiện dự tuyển

a) Thỏa mãn các điều kiện dự tuyển về văn bằng tại mục 3.

b) Đối với các chương trình học bằng tiếng Việt thì Lưu học sinh (LHS) bắt buộc phải có chứng chỉ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

- Nếu LHS chưa có chứng chỉ tiếng Việt thì phải học 01 năm tiếng Việt tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng để được cấp chứng chỉ.

- Nếu lưu học sinh đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, các trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ bằng tiếng Việt thì được xét vào học chương trình chính thức.

- Trong quá trình học tập, LHS được miễn chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với chương trình bằng tiếng Việt.

c) LHS học chương trình SDH bằng ngôn ngữ khác thì phải đạt yêu cầu về năng lực của ngôn ngữ đó theo quy định của chương trình đào tạo.

### 9.2. Hồ sơ xét tuyển

Đơn đăng ký dự tuyển /Application form for international applicants to study in Vietnam và Danh mục hồ sơ/Document Checklist theo quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ban hành Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

## 10. Thời gian thi tuyển và nhập học

Thi tuyển: Dự kiến tổ chức vào các ngày: **06 và 07/10/2018**.

Nhập học: Dự kiến tháng **12/2018**.

## 11. Địa chỉ liên hệ, nộp hồ sơ chính thức

Ban Đào tạo, Đại học Đà Nẵng; Số 41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (0236) 3832552 và (0236) 3835345; Website: <http://www.udn.vn/bandaotao>.

Danh mục các môn thi cho từng chuyên ngành; danh mục các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi; các môn học bổ sung kiến thức cho ngành đúng hoặc phù hợp; ngành gần, và ngành khác cho các ngành Quản lý và Quản trị xem trên website: <http://www.ts.udn.vn> hoặc <http://www.udn.vn/bandaotao>.

### Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các CSGDĐHTV thuộc ĐHQĐN;
- Các cơ sở đào tạo SDH, Viện nghiên cứu;
- Các Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ**

**PHỤ LỤC I***(Kèm theo công văn số /TB-DHĐN ngày /7/2018 của Đại học Đà Nẵng)***DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

<b>STT</b>	<b>Mã số</b>	<b>Cơ sở đào tạo/Ngành</b>	<b>Chỉ tiêu (dự kiến)</b>
	<b>DDK</b>	<b>Trường Đại học Bách khoa</b>	
1	8520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	25
2	8520103	Kỹ thuật cơ khí	25
3	8520201	Kỹ thuật điện	25
4	8520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	25
5	8520203	Kỹ thuật điện tử	25
6	8520115	Kỹ thuật nhiệt	25
7	8580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	25
8	8580201	Kỹ thuật xây dựng	25
9	8580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	25
10	8540101	Công nghệ thực phẩm	25
11	8520301	Kỹ thuật hoá học	20
12	8520320	Kỹ thuật môi trường	25
13	8480101	Khoa học máy tính	40
14	8420201	Công nghệ sinh học	25
15	8520114	Kỹ thuật cơ điện tử	20
16	8580101	Kiến trúc	20
	<b>DDQ</b>	<b>Trường Đại học Kinh tế</b>	
17	8229001	Triết học	20
18	8310105	Kinh tế phát triển	20
19	8340101	Quản trị kinh doanh	25
20	8340201	Tài chính – Ngân hàng	20
21	8340301	Kế toán	20
22	8340410	Quản lý kinh tế	20
	<b>DDS</b>	<b>Trường Đại học Sư phạm</b>	
23	8440114	Hoá hữu cơ	20
24	8440119	Hoá lý thuyết và hoá lý	
25	8420120	Sinh thái học	
26	8420114	Sinh học thực nghiệm	
27	8460102	Toán giải tích	29
28	8460104	Đại số và lý thuyết số	
29	8480104	Hệ thống thông tin	
30	8220121	Văn học Việt Nam	21
31	8229020	Ngôn ngữ học	
32	8310630	Việt Nam học	
33	8229013	Lịch sử Việt Nam	
34	8310401	Tâm lý học	
	<b>DDF</b>	<b>Trường Đại học Ngoại ngữ</b>	
35	8220201	Ngôn ngữ Anh	25
36	8220203	Ngôn ngữ Pháp	09
37	6022024	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	16

## PHỤ LỤC II

(Kèm theo công văn số /TB-DHĐN ngày /7/2018 của Đại học Đà Nẵng)

### BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

#### Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

#### Một số tiếng khác

Cấp độ (CEFR)	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELTA B1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.